

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

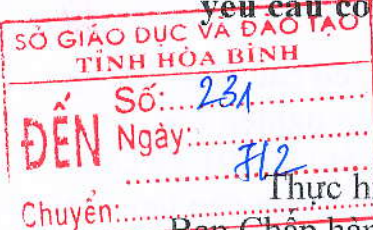
thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

-*-

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW*), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết với các nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN**1. Kết quả đạt được**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và XV trong những năm gần đây, công tác giáo dục và đào tạo đã đạt được những kết quả quan trọng. Mạng lưới trường học phát triển rộng khắp, hầu hết các xã, phường, thị trấn trong tỉnh, kể cả các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đều có trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở. 100% các huyện có trường trung học phổ thông (nhiều huyện có từ 3 đến 4 trường trung học phổ thông). Các huyện có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số đã có hệ thống trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở. Công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục được triển khai trong toàn tỉnh. Tỉnh Hòa Bình đã đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2003; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi năm 2005; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi năm 2012. Tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học đã giảm đáng kể. Đội ngũ cán bộ, người lao động được quan tâm, đào tạo có trình độ học vấn trung học cơ sở, trung học phổ thông góp phần nâng cao dân trí, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chất lượng giáo dục và đào tạo có bước chuyển biến rõ rệt, số học sinh khá, giỏi ngày càng tăng, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông ngày càng cao. Đã hình thành phong trào thi đua học tập và tự học sôi nổi, rộng khắp trong cán bộ và nhân dân, nhất là trong thanh thiếu niên. Các loại hình trường lớp, từ phổ thông đến đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp đa dạng hơn, tạo thêm nhiều cơ hội học tập cho nhân dân, góp phần xây dựng xã hội học tập ngày càng phát triển. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển cả về số lượng và chất lượng, với cơ cấu ngày càng hợp lý. Đã huy động thêm nhiều nguồn lực



ngoài ngân sách nhà nước để phát triển giáo dục và đào tạo. Các đoàn thể, các tổ chức xã hội và nhân dân đã quan tâm nhiều hơn đến sự nghiệp trồng người.

Đạt được kết quả trên, trước hết bắt nguồn từ truyền thống hiếu học của nhân dân các dân tộc trong tỉnh; sự quan tâm, chăm lo của các cấp Ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, của mỗi gia đình và toàn xã hội; sự tận tụy của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta trong những năm vừa qua.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, yếu kém

Công tác giáo dục và đào tạo còn bất cập cả về quy mô, cơ cấu; chất lượng và hiệu quả chưa đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn 2,5% dân số chưa biết chữ; 01 xã chưa đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; tỉ lệ lao động qua đào tạo còn thấp so với mức bình quân chung cả nước (đến năm 2013 đạt 40%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 37%). Nguồn nhân lực còn thiếu nhiều lao động, cán bộ có tay nghề và trình độ kỹ thuật, nghiệp vụ cao. Cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ chưa hợp lý. Giáo dục chuyên nghiệp, nhất là đào tạo công nhân kỹ thuật còn lạc hậu, mất cân đối về cơ cấu trình độ trong đội ngũ lao động ở nhiều ngành sản xuất. Quy mô đào tạo nghề hiện nay chưa tương xứng, trình độ, thiết bị đào tạo lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Khả năng nhận thức, kỹ năng thực hành, phương pháp tư duy khoa học, trình độ ngoại ngữ và thể lực của một số học sinh còn hạn chế. Công tác đào tạo chưa gắn với sử dụng.

2.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém

Cơ chế quản lý của ngành chưa hợp lý, chưa phát huy quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương và nhà trường. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức và nhân cách cũng như việc giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ chưa đặt đúng vị trí. Công tác giáo dục hướng nghiệp ở bậc phổ thông chưa cao. Phương pháp giáo dục và đào tạo chậm được đổi mới, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của người học. Gia đình và các tập thể, cộng đồng xã hội chưa phát huy vai trò quan trọng trong giáo dục, chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ, nhất là giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục đạo đức và ý thức chấp hành pháp luật ... Chưa có những biện pháp, giải pháp hiệu quả trong thực hiện cơ chế, chính sách để thể hiện đầy đủ quan điểm coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu. Công tác thanh tra giáo dục chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu những biện pháp hữu hiệu để kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo. Các chính sách đã ban hành chưa đủ khuyến khích nghề dạy học, chưa động viên được những giáo viên dạy giỏi và giảng viên có trình độ cao. Hệ thống trường sư phạm tuy đã được quan tâm đầu tư hơn trước, nhưng vẫn chưa đủ sức làm tốt công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Chưa có chính sách thu hút học sinh khá, giỏi vào học các ngành sư phạm.

II. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW.

3. Xác định các nhiệm vụ để các sở, ban, ngành, mặt trận tổ quốc, các đoàn thể và địa phương trong tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 29- NQ/TW nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

4. Đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện tốt các nội dung trong Nghị quyết số 29-NQ/TW phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và các địa phương, nhằm kịp thời khắc phục những hạn chế, yếu kém của giáo dục và đào tạo trong thời gian qua, tạo sự chuyển biến đồng bộ, mạnh mẽ về chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

III. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Chương trình 1: Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

1.1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước và vai trò tham gia của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Xác định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Thực hiện đầy đủ các chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với giáo dục và đào tạo.

- Coi trọng sự nghiệp giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Mọi người có nhu cầu được học tập, học thường xuyên, học suốt đời. Các cấp ủy, chính quyền và hệ thống chính trị, mỗi gia đình, cá nhân phải có trách nhiệm tích cực, chăm lo đóng góp trí tuệ, nhân lực, vật lực, tài lực góp phần xây dựng và phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Kết hợp giáo dục nhà trường

với giáo dục gia đình và xã hội ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể trong việc giáo dục nhân cách, lối sống cho con em mình.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin và truyền thông để thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận và huy động sự tham gia đánh giá, giám sát và phản biện của toàn xã hội đối với công cuộc đổi mới và phát triển giáo dục.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác chính trị, tư tưởng và phát triển đảng trong các trường học, trước hết là trong đội ngũ giáo viên. Cấp ủy trong các cơ sở giáo dục và đào tạo phải thực sự đi đầu trong việc đổi mới, gương mẫu thực hiện và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân về việc tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo. Lãnh đạo nhà trường phát huy dân chủ, dựa vào đội ngũ giáo viên, viên chức và học sinh, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể và nhân dân địa phương để xây dựng nhà trường.

- Các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ. Trên cơ sở đó, đặt hàng và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo tổ chức thực hiện.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giải quyết dứt điểm các hiện tượng tiêu cực kéo dài, gây bức xúc trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Chương trình 2: Đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục; nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo

2.1. Mục tiêu

Thực hiện chương trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực người học. Phát triển hài hòa đức, trí, thể, mỹ; kết hợp hài hòa dạy người, dạy chữ và dạy nghề, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo. Đến năm 2020, có ít nhất 45% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ và 98% trong độ tuổi mẫu giáo được chăm sóc, giáo dục tại các cơ sở giáo dục mầm non; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trong các cơ sở giáo dục mầm non giảm xuống dưới 5%. Tỷ lệ đi học đúng tuổi ở tiểu học, trung học cơ sở là 100% và 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ học vấn trung học phổ thông và tương đương; có 78% trẻ em khuyết tật trong độ tuổi tiểu học được đi học. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, cao đẳng có đủ khả năng tiếp nhận 30% số học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở vào học; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt trên 50%; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp các hệ đào tạo đạt 350 người/một vạn dân.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Thực hiện nội dung giáo dục đổi mới theo hướng tinh giản, cơ bản, hiện đại, giảm tính hàn lâm, tăng tính thực hành và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn; chú trọng giáo dục khoa học xã hội - nhân văn, kỹ năng sống, pháp luật, thể chất, quốc phòng, an ninh và hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi, trình độ

và ngành nghề đào tạo. Thực hiện dạy và học ngoại ngữ, tin học theo hướng chuẩn hóa, thiết thực, bảo đảm năng lực sử dụng thực tế của người học.

- Dạy tiếng nói và chữ viết của dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục địa phương; dạy tích hợp, lồng ghép kiến thức văn hóa địa phương.

- Thực hiện đổi mới nội dung giáo dục mầm non theo hướng chú trọng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục phù hợp tâm, sinh lý lứa tuổi. Chú trọng đến học sinh dân tộc thiểu số và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đa dạng hóa nội dung giáo dục nghề nghiệp theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học. Phát triển đa dạng nội dung, tài liệu học tập đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của mọi người.

- Thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, tập trung dạy cách học, cách nghĩ và tự học phù hợp với từng cấp học.

3. Chương trình 3: Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra, thi và đánh giá chất lượng giáo dục, bảo đảm trung thực, khách quan, chính xác, theo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất người học

3.1. Mục tiêu

Phát triển năng lực, phẩm chất người học một cách chủ động, sáng tạo; khắc phục về cơ bản các hình thức, phương pháp kiểm tra, thi đánh giá theo hướng chuẩn, chính xác, khách quan, đảm bảo khơi dậy tiềm năng của người học.

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Đổi mới hình thức kiểm tra, thi nhằm đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo; đổi mới toàn diện từ khâu ra đề đảm bảo cấu trúc đề theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình gắn với từng môn học, cấp học và tính chất kỳ kiểm tra, kỳ thi. Thống nhất cách đánh giá, kiểm tra trong toàn tỉnh. Đổi mới kiểm tra, đánh giá chất lượng học sinh các cấp học đảm bảo đánh giá đúng chất lượng học tập của học sinh, làm cơ sở đánh giá đúng chất lượng dạy học của giáo viên, nhằm thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo.

- Thực hiện đổi mới phương thức thi và công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông theo hướng kiểm tra năng lực học sinh, thiết thực, hiệu quả, tin cậy, sử dụng được kết quả công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông làm căn cứ cho tuyển sinh của nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học.

- Thực hiện đổi mới phương thức đánh giá và công nhận tốt nghiệp đối với giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề trên cơ sở đánh giá năng lực thực hiện, kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp, có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc đại diện sử dụng lao động; đánh giá kết quả đào tạo giáo dục chuyên nghiệp theo hướng chú trọng đánh giá năng lực phân tích, sáng tạo, tự cập nhật, đổi mới kiến thức, đạo đức nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, năng lực thực hành, năng lực tổ chức và thích nghi với môi trường làm việc.

- Nâng cao chất lượng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục. Định kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo và các chương trình đào tạo, công khai kết quả kiểm định.

- Thống nhất hình thức, nội dung, phương pháp, phương thức kiểm tra, đánh giá, kiểm soát chất lượng giáo dục, đào tạo đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

4. Chương trình 4: Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập

4.1. Mục tiêu

Thực hiện tốt chủ trương của Trung ương về chuyển hệ thống giáo dục khép kín thành hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông giữa các thành tố của hệ thống và liên thông với môi trường bên ngoài hệ thống giáo dục nhằm bảo đảm tính sáng tạo cho việc xây dựng, tổ chức các nội dung, hình thức giáo dục, tạo cơ hội tiếp cận giáo dục cho người học. Mọi công dân trên địa bàn tỉnh được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, học theo nhu cầu của cá nhân, học theo yêu cầu của xã hội, xây dựng xã hội học tập ngày càng hoàn thiện và phát triển. Đến năm 2020, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi đạt trên 98% và tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi đạt trên 99,8%.

4.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tập trung phát triển giáo dục thường xuyên, tạo cơ hội cho mọi người nhất là vùng nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách được học tập, nâng cao trình độ kiến thức, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ để tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học, cao đẳng, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch phát triển nhân lực gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo hướng: thống nhất về tên gọi các trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra, chính sách, cơ chế và đối tượng áp dụng; bảo đảm liên thông trong hệ thống; bảo đảm thống nhất quản lý giáo dục và đào tạo. Hình thành một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp sau trung học, liên thông giữa giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, cao đẳng.

- Thực hiện phân luồng mạnh sau trung học cơ sở; phân hóa và định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông.

- Xây dựng hệ thống giáo dục phổ thông chủ yếu là loại hình trường công lập; đồng thời khuyến khích xã hội đầu tư phát triển các trường chất lượng cao. Phát triển song song loại hình trường công lập và ngoài công lập trong giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, cao đẳng; tăng cường vai trò trường ngoài công lập, bao gồm cả các trường chất lượng cao. Hướng tới có loại hình cơ sở giáo dục do cộng đồng đầu tư.

- Đa dạng hoá các phương thức đào tạo, có cơ chế cho phép người học được công nhận và tích lũy kết quả học tập để có thể học liên thông theo các phương thức, các trình độ đào tạo khác nhau.

- Đẩy mạnh đào tạo nghề, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề tại cơ sở sản xuất, kinh doanh. Xây dựng cơ chế để doanh nghiệp, cơ sở sử dụng lao động tham gia xây dựng, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo, hướng dẫn thực hành, thực tập và đánh giá năng lực người học.

- Tập trung xây dựng và phát triển một số cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

5. Chương trình 5: Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, bảo đảm dân chủ, thống nhất; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục; coi trọng quản lý chất lượng

5.1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh; thực hiện cơ chế quản lý chất lượng giáo dục; phát huy cao độ tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục, đào tạo.

5.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đồng bộ làm cơ sở triển khai thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy vai trò của ngành giáo dục, vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội; phân định công tác quản lý nhà nước về giáo dục với công tác quản lý đào tạo, quản trị của cơ sở giáo dục; các cơ quan quản lý giáo dục địa phương được quyền chủ động quyết định hoặc tham gia trực tiếp về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý chất lượng đầu ra, quản lý quá trình đào tạo và chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm chất lượng; cơ chế thu nhận và xử lý các thông tin trong quản lý giáo dục; cơ chế người học tham gia đánh giá hoạt động giáo dục, nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, cơ sở giáo dục tham gia đánh giá cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục; đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và của các cơ sở giáo dục.

- Xây dựng và phát triển hệ thống thông tin quản lý giáo dục và thị trường lao động. Tăng cường công tác dự báo về giáo dục, đào tạo và nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội; thực hiện đổi mới quản trị cơ sở giáo dục, đào tạo theo hướng phát huy dân chủ, tính sáng tạo; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính, tài sản.

- Thực hiện cơ chế tự chủ và chịu trách nhiệm xã hội, công khai, chịu sự giám sát của các chủ thể trong nhà trường, của Nhà nước và của xã hội đối với

cơ sở giáo dục đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý các cấp.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục.

6. Chương trình 6: Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo

6.1. Mục tiêu

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục vừa hồng vừa chuyên, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ phát triển giáo dục và đào tạo trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của tỉnh.

6.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Tập trung xây dựng quy hoạch và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; có cơ chế tuyển sinh và cử tuyển riêng để tuyển chọn được những người có năng lực phù hợp vào ngành sư phạm.

- Tiến hành đổi mới mạnh mẽ mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng giáo viên và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện trong đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, trách nhiệm, đạo đức nhà giáo và năng lực nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục các cấp học và trình độ đào tạo.

- Đào tạo, bồi dưỡng để tiến tới tất cả giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở phải có trình độ đại học; giáo viên, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trình độ đại học trở lên và có năng lực sư phạm và năng lực nghề nghiệp tương ứng với trình độ và ngành nghề đào tạo; giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

- Có cơ chế để nhà giáo của các cơ sở đào tạo đi thực tế tại các cơ sở sản xuất, dịch vụ; cán bộ quản lý giáo dục các cấp được đào tạo về nghiệp vụ quản lý.

- Có chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học, học tập nâng cao trình độ, năng lực; chế độ ưu đãi đối với nhà giáo có trình độ cao, đồng thời có cơ chế miễn nhiệm hoặc bố trí công việc khác đối với những người không còn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Triển khai hiệu quả chương trình bồi dưỡng thường xuyên, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ về phương pháp dạy học hiện đại; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ giáo viên tiếng Anh theo các đề án.

- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh và các Trung tâm giáo dục thường xuyên trong việc dạy ngoại ngữ cho cán bộ, nhân dân và học sinh.

- Khuyến khích cho cán bộ, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên đi học tập và nghiên cứu ở nước ngoài bằng kinh phí tự túc.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên đi bồi dưỡng thường xuyên môn Ngoại ngữ tại một số nước trong khu vực.

- Bảo đảm bình đẳng về tôn vinh và cơ hội đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ giữa nhà giáo trường công lập và trường ngoài công lập.

- Ban hành chính sách và cơ chế để đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, tài trợ, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học, chuyển giao công nghệ và xây dựng một số cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

7. Chương trình 7: Đổi mới chính sách, cơ chế tài chính, tăng cường cơ sở vật chất, huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư để phát triển giáo dục

7.1. Mục tiêu

Thực hiện đổi mới chính sách, cơ chế tài chính. Tăng cường các nguồn lực phát triển giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục; huy động toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng chuẩn hóa, hiện đại.

7.2. Nhiệm vụ và giải pháp

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư kinh phí cho giáo dục, đầu tư có trọng điểm, không dàn trải. Đa dạng các nguồn đầu tư giáo dục phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Quan tâm đầu tư hơn nữa cho giáo dục vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và những ngành nghề cần thu hút người học.

- Nghiên cứu cơ chế, mô hình phù hợp nhằm huy động nguồn lực của xã hội để cùng Nhà nước phát triển một số trường mầm non, phổ thông chất lượng cao; bảo đảm mức chi cho mỗi người học tương ứng với chất lượng, phù hợp ngành nghề và trình độ đào tạo, nhất là đối với giáo dục nghề nghiệp.

- Thực hiện chính sách, cơ chế, quy định tỷ lệ đóng góp của người học, xã hội và Nhà nước trong chi phí giáo dục; chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho giáo dục và đào tạo; cơ chế quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia vào quá trình đào tạo và đầu tư cho đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện chính sách và cơ chế tín dụng cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay để chi trả cho việc học; khuyến khích và tạo điều kiện hình thành các quỹ học bổng giúp cho học sinh nghèo và học sinh giỏi.

- Thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp học; từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật giáo dục, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin. Bảo đảm đến năm 2020 số học sinh/lớp không vượt quá quy định của từng cấp học.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu, quán triệt tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động; đồng thời triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc xây dựng thực hiện chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW và quán triệt, phổ biến chương trình hành động của Tỉnh ủy trong toàn Đảng bộ và nhân dân.

3. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh lãnh đạo thực hiện các nội dung:

- Cụ thể hóa các nội dung của chương trình hành động này, phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu trong chương trình đề ra.

- Xây dựng Kế hoạch điều chỉnh, sửa đổi, ban hành các văn bản phù hợp với Nghị quyết số 29-NQ-TW, đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan chỉ đạo theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy; Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định kỳ tham mưu việc sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

4. Các huyện ủy, thành ủy xây dựng Kế hoạch thực hiện nhằm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của các địa phương, đơn vị; định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định. *g*

Nơi nhận :

- | | |
|---|------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - Ban Bí thư TW Đảng, - Văn phòng TW Đảng, - Ban Tuyên giáo TW, - Ban Chỉ đạo Tây Bắc, - BCS Đảng Bộ GD&ĐT, - Các đ/c TUV, - Các Đảng bộ trực thuộc, - Các cơ quan tỉnh, - Lãnh đạo VPTU+CV, - Lưu Văn phòng Tỉnh ủy (VH). | Báo
cáo |
|---|------------|

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Bùi Văn Tỉnh